



KINH TẾ VIỆT NAM

LÊ TIẾN HÙNG

Năm 1996, năm bản lề của kế hoạch 10 năm 1991 - 2000, là năm thử thách của các nhà quản lý vĩ mô. Trong năm có nhiều biến động kinh tế hơn, như bão lụt, thiệt hại trên 7.800 tỷ đồng, giá giấy, gạo sụt, giá cà phê giảm, giá mía hạ thấp, chỉ số giá cả chỉ tăng 3,5% đến tháng 11.1996. VN tiếp cận với mặt trái của nền kinh tế thị trường: nền kinh tế này tuy có khả năng tăng nhanh sản xuất, nhưng không giải quyết được ứ đọng của hàng hóa "thừa", cần phải có một chính sách vĩ mô thích hợp mới đạt được toàn dụng nhân công và phân vinh kinh tế. Cuối năm 1996 cũng nên làm bằng tổng kết chính sách vĩ mô đối với cái bệnh của nền kinh tế thị trường trên đây.

I. Các nguồn vốn ngoại tệ VN năm 1996

Nguồn vốn ODA (nguồn tài trợ chính thức của các nước đối với VN) được cam kết là khoảng 6 tỷ USD. Tính đến cuối năm 1995 đã giải tỏa được 1,7 tỷ. Năm 1996 được tài trợ thêm 800 triệu USD. Dự tính, năm 1997 là hơn 1,4 tỷ USD. Trong số tài trợ trên, Nhật dẫn đầu với số cam kết 800 triệu USD, như Phú Mỹ (giai đoạn 3), Phải Lại (giai đoạn 3), nhà máy Hàm Thuận Đa Nhim v.v...

Ngoài vốn ODA, các nguồn ngoại tệ khác tiếp tục đổ vào VN: kiều hối,

ngoại tệ du khách, đầu tư nước ngoài (tính đến ngày 7.12.1996 số chấp thuận là 5.178 triệu USD), ngoại tệ mở L/C trả chậm, mà một số báo ước đến 2,4 tỷ USD, đầu tư "chui" (người nước ngoài dùng người VN làm chủ danh nghĩa xí nghiệp, trong khi thực sự mình là chủ) v.v... Nguồn ngoại tệ xuất khẩu khoảng 7 tỷ USD. Tổng



cộng các nguồn ngoại tệ đổ vào VN năm 1996, có thể ước trên 10 tỷ USD, một số ngoại tệ rất lớn mà chưa bao giờ VN có được. Hiệu quả của quản lý kinh tế được đánh giá như sau: số ngoại tệ rất lớn trên đã giúp gì được trong việc thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa?

II. Nền kinh tế thị trường là một nền kinh tế hàng hóa

Trong năm 1996, tiếp tục khám phá một số mỏ dầu và khí miền Nam, chỉ tính riêng công ty Vietsopetro, sản lượng cả năm ước 8,2 triệu tấn, xí nghiệp đạt doanh thu 1,2 tỷ USD và nộp cho nhà nước 700 triệu, chưa kể các mỏ thuộc Thanh Long, Đại Hùng do các công ty tư bản khai thác. Miền Nam VN đã có 2 cảng biển sâu. Trước năm 1996 Cần Thơ chỉ tiếp được tàu 5.000 tấn. Các chuyên viên VN đã kiên trì dò tìm các luồng lạch có thể cho phép tàu lớn vào cảng Cần Thơ mà không bị mắc cạn. Ngày 24.4.1996 tàu Jenny D 19.306 cập bến Cần Thơ, ngày 31.5.1996 tàu Elousa 20.187 tấn ăn 9.623 tấn gạo, ngày 12.6.96 Dorian Star trọng tải 25.281 ăn 11.000 tấn gạo, ngày 12.10.96, liên doanh Bà Rịa Serece đã tổ chức khánh thành cảng sâu Phú Mỹ (giai đoạn 1), tiếp được tàu 40.000 tấn. Ngày đầu hoạt động tàu 15.000 tấn đến cập bến cảng. Cảng TP.HCM

1996

tiếp được tàu 20.000 tấn, nhưng các tàu 15.000 - 20.000 tấn ít khi ghé bến Sài Gòn, vì đường từ Vũng Tàu vào xa, đa số các tàu vào Sài Gòn chỉ trọng tải 5.000 tấn. Phí chuyên chở đường biển do đó tăng cao. Nay ngoài cảng Cần Thơ (tiếp được tàu 27.000 tấn, cảng Phú Mỹ tàu 40.000 tấn), nếu đưa thêm cảng Cam Ranh vào hoạt động, miền Nam sẽ có điều kiện chuyển nhanh sang "mô hình hiện đại hóa, công nghiệp hóa ven biển, lập các khu chế xuất sát các cảng sâu".

Được kích thích bởi lợi nhuận, các thành phần kinh tế đều cố gắng tung hàng hóa bán trên thị trường: người sản xuất hàng nội hóa bằng cách tăng gia sản xuất, người nhập khẩu bằng cách tăng...nhập khẩu, bất chấp sự nhập khẩu trên có phương hại hay không đối với sản xuất trong nước. Hàng ngoại quốc đủ mọi cách dồn về VN. Hàng VN cũng cố gắng chen chân trên thị trường.

Mặc dù thiên tai, bão lụt, nhưng nhờ cơ giới hóa, giống mới, phân, nên sản xuất DBSCL tiếp tục vượt các

đỉnh cao. Đến tháng 11, VN đã xuất trên 2,7 triệu tấn lúa, nhưng người nông dân vẫn than phiền giá lúa thấp và lúa bán không chạy, có khi chỉ được trên 1.000 đồng/kg lúa.

Mấy năm gần đây, do Brazil thất mùa cà phê, giá cà phê có khi lên gần 3.000 USD/tấn. Các nông dân trên thế giới và tại VN ra sức trồng cà phê, năm 1996 - 1997, VN được mùa cà phê lớn: năm 1997 ước sẽ thu 270.000 tấn. Riêng Đắk Lắk "vương quốc cây cà phê" sẽ thu 150.000 tấn. Nhưng năm 1995 và 1996, cà phê tiếp tục xuống giá, do Brazil tăng sản xuất cà phê trở lại. Vụ năm 1996, giá bán cà phê 18 - 19.000 tấn, vụ năm 1997, giá hiện nay chỉ còn 11.000 - 12.000 đồng. Trước đây giá 1 ha cà phê ở Đà Lạt 15 - 20 cây, nay bán 3 - 4 cây vàng không người mua.

Giá mía năm 1965 là 200 đồng/kg, năm 1996, có nơi giá chỉ còn 70 - 80 đồng/kg. Ước lượng mía trên 3 triệu tấn, vượt xa khả năng các nhà máy đường, ngay tại các nơi có nhà máy như Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Tây Ninh, cũng xảy ra nạn một số mía bán không được, các nhà máy đường chỉ có khả năng mua mía đối với những nông dân đã ký giao kèo bán mía cho nhà máy. Ở Khánh Hòa có đến 2 nhà máy quốc doanh làm đường, vẫn không mua hết mía của nông dân.

Nhờ các số đầu tư lớn trong các năm gần đây, sản xuất sắt thép tiếp tục tăng. Năng lực sản xuất các công ty thép lên tới 1,6 - 1,7 triệu tấn, thực tế sản xuất trên 600.000 tấn, xi măng trên 6 triệu tấn, thực tế sản xuất trên 5 triệu tấn, những con số chưa từng thấy tại VN. Các công ty sắt và thép,

có. Ta biết rằng nền kinh tế thị trường chạy theo lợi nhuận: nhà nước có thể hướng dẫn, kế hoạch hóa nền kinh tế này, nhưng thông qua các quy luật của lợi nhuận. Nếu sản xuất hàng nội bán được với giá cao, lãi nhiều, họ sẽ đua nhau đầu tư tăng gia sản xuất, nếu trái lại, sản xuất hàng nội bán chậm, nhập khẩu hàng ngoại giá rẻ bán chạy, thì họ sẽ bỏ sản xuất và chuyển thành những nhà nhập khẩu. Trong năm 1996, điều đáng lưu ý là hàng ngoại nhập đến 10 tỷ USD, khiến cho hàng nội khó bán chạy.

Nhà nước đã cố hết sức tung tiền giúp cho các công ty mua gạo, mua đường, giúp cho Liên hiệp dầu tầm vốn ngắn hạn mua tư tầm. Các công ty đường quốc doanh được lệnh kéo dài thời vụ làm đường thêm 1 tháng để mua thêm mía của nông dân theo giá cao. Nhưng giá mía chỉ tạm cao ở các vùng có các nhà máy đường quốc doanh, ngay ở những nơi này, mía vẫn thu mua không hết và xuống chỉ còn 80 - 100 đồng/kg, ở những nơi không có nhà máy đường quốc doanh, như Bến Tre, Cần Thơ, giá chỉ còn 70 - 80 đồng và người trồng mía bị lỗ to... Trong khi đó, số nhập khẩu đường lên đến 200 - 240.000 tấn. Lý do là vì giá đường trắng trong nước sản xuất 6000 đồng/kg, còn nhập khẩu chỉ 3.500 đồng/kg.

II. Chính sách vĩ mô

1. Lãi suất năm 1996 tuy đã hạ, nhưng vẫn còn cao hơn lãi suất nước ngoài, khiến cho doanh nhân thích vay tiền nước ngoài hơn tiền VN. Phí sản xuất cao, do lãi suất cao. Năm 1996, ngân hàng đã làm một việc rất đúng là hạ lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay. Tuy nhiên, lãi suất VN vẫn

cho ngân hàng còn hơn là trả lương cho công nhân. Phí sản xuất của các xí nghiệp trong nước, tuy có ưu thế là lương hạ, nhưng thuế cao, lãi suất cao, thành ra giá thành vẫn cao.

2. Tỷ giá cứng, khuyến khích nhập khẩu hơn là sản xuất:

Năm 1991 tỷ giá là 13.325 đồng/1 USD, năm 1996 chỉ còn 11.025 đồng (giá bình quân năm) Trung Quốc trái lại đã phá giá tiền của họ như sau: 1 USD tháng 1/1985 là 2,9 nhân dân tệ, tháng 10.85: 3,2, tháng 6.86: 3,7, tháng 12.89: 4,7, tháng 11.90: 5,2, ngày 1.1.94: 8,7 và 1995: 8,4 nhân dân tệ.

Năm kể bên anh khổng lồ Trung Quốc, và Trung Quốc duy trì tỷ giá "mềm", cứ từng thời gian lại phá giá đồng nhân dân tệ, lại có chính sách yểm trợ xuất khẩu rất hữu hiệu, như hàng Trung Quốc qua VN không chịu thuế quan, các nhà xuất khẩu được hưởng lãi suất ưu đãi v.v... Đường biên giới VN Trung Quốc dài 1.300 km, năm 1993 các nhà xuất khẩu Trung Quốc bán sang VN khỏi xin phép. Kết quả điều tra của Hội tiêu dùng người VN cho thấy: ở TP.HCM và Hà Nội, năm 1992 riêng về hàng gia dụng hàng VN chiếm 62%, Mỹ 15%, các nước châu Âu 14%, các nước khác 11% thì nay Trung Quốc đã chiếm các thị trường điện tử gia dụng, đồ chơi trẻ em, phích nước, máy phát điện, xe đạp, dây hàng VN và các nước khác xuống hạng thứ... Giá hàng Trung Quốc rẻ hơn hàng VN khoảng 40%, do từ năm 1991, tỷ giá của ta đã lên trong khi tỷ giá tiền Trung Quốc đã giảm mạnh ngày 1.1.1994. Đồng thời giá nội của ta không ngớt tăng (xem bảng 1)

Bảng 1: Các chỉ số chính yếu kinh tế VN

	1992	1993	1994	1995	1996
GDP VN (tỷ đồng, giá hiện hành)	111.807	125.074	170.258		
GDP (triệu USD)	9.656	11.770	15.478	* 19.100	* 21.751
Tỷ giá (VN/USD)	10.550	10.620	11.000	11.021	11.025
Tăng cung tiền tệ M2 (%)	33,7	19,0	21,1		
Chỉ số giá tăng hàng năm	17,6	5,2	13,1	12,7	* 4
Xuất khẩu (triệu USD)	2.581	2.989	3.600	5.620	* 6.700
Nhập khẩu (triệu USD)	2.541	3.879	4.500	8.450	* 10.018
Cân thương mại (triệu USD)	40	-890	-900	-2.830	* -3.318
Cân thanh toán (triệu USD)	-770	-1.125	-1.110		

Nguồn: Asian Development Outlook của Asian Development Bank 1993 - 1994. Các số 1995 - 1996 do tác giả sưu tầm từ các số thống kê được công bố ở VN. Số GDP 1995 và 1996 * được tính theo bằng cách năm 1994 tính bằng USD nhân cho tỷ lệ phát triển 9,5% mỗi năm và sau đó nhân thêm cho tỷ lệ "lên giá tiền ta", tính tròn bằng chỉ số tăng giá trong năm. Số xuất nhập khẩu 1996 là số tạm ước được công bố "đến tháng 11 giá tăng 3,5, tạm ước cả năm giá tăng 4%.

mặc dù sản xuất đã được "tự hạn chế", nhưng hàng vẫn tiêu thụ chậm trên thị trường.

Như vậy, có thể tóm lược tình hình kinh tế VN 1996 như sau: sản xuất tăng, ngoại tệ có khả năng sử dụng lên đến một mức chưa bao giờ

còn quá cao so với lãi suất ở nước ngoài. Như khoảng đầu năm, lãi suất trần 1,5%, tiếp theo các tháng cuối năm, lãi suất cho vay có sụt xuống 1,3 - 1,4% thì cũng vẫn quá cao so với lãi suất nước ngoài, chỉ khoảng dưới 1%. Có nhiều xí nghiệp, phải trả lãi suất

Trong bảng số 1 trên đây, nên so sánh tỷ giá và sự tăng giá nội. Trong khi giá nội không ngớt tăng, tỷ giá lại "cứng" không tăng, (giảm so với năm 1991), khiến cho các nhà sản xuất nội không thể cạnh tranh hàng Trung Quốc.

Bảng 2: So sánh tỷ giá với sự tăng giá nội ở VN

	1991	1992	1993	1994	1995	1996
Giá tăng hàng năm		17.6	5.2	13.1	12.7	4
So với năm 1991	100	117.6	123.7	133.9	150.9	163.9
Tỷ giá VND/USD	13.255	10.550	10.620	11.000	11.021	11.025
So với năm 1991	100	79.6	80.1	82.9	83.1	83.1

Theo sự đánh giá của các chuyên viên, sự biến chuyển của 2 khúc tuyến tỷ giá giảm 16,9% trong khi đó giá nội tăng 63,9% từ 1991 đến 1996 là hoàn toàn bất lợi cho các nhà sản xuất nội địa trước sự cạnh tranh của hàng nước ngoài, đặc biệt là hàng Trung Quốc. Kết quả: chúng ta từ xuất siêu 1992 (+ 40 triệu USD), đã trở nên nhập siêu càng năm càng tăng theo sự lên giá đồng VN và tăng giá nội (năm 1993 nhập siêu 890 triệu USD, năm 1994: 900 triệu USD, năm 1995: 2.830 và năm 1996: ước 3.282 triệu USD). Trung Quốc năm 1996 có dự trữ ngoại tệ 100 tỷ USD, xuất siêu 6 tỷ USD. GDP Trung Quốc tăng 13 - 14%/năm, lạm phát khoảng 20%, trong khi ấy, chúng ta kéo được chỉ số giá tăng năm 1996 là 4%, với giá nhập siêu trong 4 năm (1993 - 96) = -890 -900 -2830 -3282 = -7092 triệu USD. Số tiền trên 7 tỷ này sắp xỉ bằng số tăng nợ quốc tế VN trong 4 năm gần đây.

Bảng 3: Tương quan giữa tỷ giá -- giá nội và nhập siêu

	1991	1992	1993	1994	1995	1996
Giá nội tăng	100	17.6	23.7	33.9	50.9	63.9
Tỷ giá giảm	100	-20.4	-19.9	-17.1	-26.1	-26.1
Sai biệt với giá ngoại	Năm cân bản	38	43.6	51	77	90
Hậu quả: nhập siêu	Năm cân bản	40	-890	-900	-2.830	-3.282

Do tỷ giá cứng, mức lãi đầu tư tại VN không như mong ước, nên các nhà đầu tư tại VN đã giảm đơn xin đầu tư trên 1,5 tỷ USD so với năm 1995:

Bảng 4: Đầu tư ngoại quốc (triệu USD) được chấp nhận

Năm	Đầu tư (triệu USD)
1988	366
1989	539
1990	596
1991	1.358
1992	2.271
1993	2.987
1994	4.071
1995	6.616
đến ngày 7.12.1996	5.178 triệu USD.

Một sự kiện đáng buồn: do VN có nhiều ngoại tệ, nên các trùm ma túy thế giới đã đánh giá tốt thị trường tiêu thụ ma túy ở VN. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ của Bộ lao động - thương binh và xã hội, hiện nay cả

nước đã có 183.000 người nghiện, trong đó thanh niên chiếm 70%. Học sinh 12 - 14 tuổi đã tùm nập bầy hút ma túy, vào lớp còn say ngất ngưỡng. Ma túy được bán ở các tủ thuốc lá, ở các quán cà phê, có ở các túi xách tay của những người lảng vảng trước các cửa trường học. Công an quận Tân Bình bắt được một băng cướp do tên Diệp Tử Hải cầm đầu. Hồi liệu lượng heroin hút mỗi ngày, y cho biết: 3 củ, mỗi củ 5 phân, 3.600.000 đồng. Một tháng hút 108 triệu đồng. Lang Sơn có 40 em học sinh nghiện, Cần Thơ 150 em. TP.HCM 54, Hải Phòng 66 em trong đó 40 em đã bỏ học. Thủ tướng chính phủ đã ra lệnh tìm mọi biện pháp thích hợp để ngăn chặn ma túy. Tăng tỷ giá tiền VN là một phương pháp hữu hiệu, vì ma túy sẽ đắt hơn, nên số người tiêu thụ sẽ ít hơn.

III. Kết luận

Năm 1992 - 1993 chính sách ngân hàng kim tỷ giá có thể tạm chấp nhận được: tuy gây thiệt thòi cho các

nhà sản xuất và xuất khẩu nhưng sai biệt giữa giá nội và giá ngoại chưa cao nên một số ngành tạm sống được. Năm 1994 - 1995 - 1996 sai biệt giá ngoại tăng cao thì nhập siêu lên đến - 3.282 triệu USD, một số tiền rất lớn. Lãi suất cao trong nước cũng hấp dẫn cho những vốn ngắn hạn tràn vào nước, và những vốn ấy dùng để nhập siêu. Nhập siêu ồ ạt làm cho nhiều ngành không bán được hàng, tồn kho tăng, tiền lãi ngân hàng tăng, lợi nhuận giảm. Thí dụ giá đường: cây mía là một loại cây nhiệt đới, trồng rất tốt ở VN, giá nhân công của ta lại rẻ, vì sao không cạnh tranh lại đường nhập khẩu? Chính vì tỷ giá thấp nên các nhà sản xuất, xuất khẩu thua thiệt, nhà nước dù có tung tiền cổ công giúp đỡ người trồng lúa, người trồng mía, Liên hiệp đầu tằm, nhưng những người trồng lúa, mía, Liên hiệp đầu tằm, người nuôi bè cá ba sa v.v...đều không vui.

Đáng lưu ý là đến cuối năm 1996

ngành ngân sách chỉ mới thu khoảng 75% thuế theo kế hoạch. Lý do làm thuế nhiều hay ít gắn liền với phần thịnh các xí nghiệp: các xí nghiệp bán hàng chạy, giá cao, lãi nhiều, tất nhiên có khả năng trả thuế nhiều. Các xí nghiệp bị hàng tồn kho nhiều, do hàng Trung Quốc cạnh tranh, tất nhiên không có khả năng đóng thuế nhiều cho nhà nước. Vì lẽ ấy, ngân sách nhà nước thất thu năm 1996. Đơn cử một thí dụ trước 1996, nhà máy đường Quảng Ngãi đóng 1/2 số thu ngân sách của tỉnh. Năm 1996, giá đường nhập khẩu 3.600 kg, giá đường sản xuất trong nước 6.000 đ/kg, nhà máy phải tung tiền mua mía với giá cao. Ngân hàng ngân sách phải hỗ trợ cho nhà máy thay vì nhà máy đóng thuế cho nhà nước và trả nợ cho ngân hàng. Do đó, chính sách duy trì tỷ giá thấp để "ổn định" biến thành chính sách gây lạm phát (nhà nước thất thu thuế, lại phải tung tiền trợ giá gạo, mía đường...)

Ngay từ năm 1993 - 1994, nhiều chuyên viên tiền tệ quốc tế đã khuyến cáo VN nên xét lại tỷ giá. Có 2 lập trường được ông Thống đốc ngân hàng nhà nước Cao Sỹ Kiêm trình bày trong cuộc hội thảo khoa học về huy động vốn tháng 5.1994 tại Ngân hàng nhà nước VN như sau:

Hiện nay có 2 quan điểm khác nhau về "ỷ giá: một cho rằng phải phá giá mạnh mẽ đồng VN để nhảy vọt lên một tỷ giá khác xa với tỷ giá hiện nay rồi sau đó ổn định lại. Một quan điểm khác cho rằng nên điều chỉnh từ từ tỷ giá. Sự biến động của tỷ giá nên bám sát vào quan hệ cung cầu của thị trường, nhưng có sự quản lý vĩ mô của nhà nước. Việc chi đạo điều chỉnh của ta theo hướng thứ hai để vừa tạo sự ổn định, có sự chú ý đến khuyến khích xuất khẩu trên cơ sở thực hiện dần dần những bước điều chỉnh để không gây xáo trộn lớn trong nền kinh tế". Như vậy, chứng tỏ rằng ngân hàng không chủ trương lập trường tỷ giá cứng, xuống giá từ 1992 đến nay. Cũng nên lưu ý là cuối năm 1996, ngân hàng đã tăng tỷ giá khoảng 9%. Trong tháng 11, giá đã tăng 0,9% (trong khi 10 tháng trước giá chỉ tăng 2,5%) và công nghiệp tháng 11 đã đạt mức tăng trưởng cao nhất 16,6%. Theo các bài đăng trên báo ngân hàng, tỷ giá trong tương lai sẽ mềm hơn, đó là điều mong muốn của các nhà sản xuất, xuất khẩu trong nước. Năm 1997, mong rằng vấn đề tỷ giá sẽ được giải quyết tốt hơn.